

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST

Ngày 04-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà và bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Phùng Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1972 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 07/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn P và bà Đỗ Thị B; vợ Nguyễn Thị V; bị cáo có 03 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: H), sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V và anh Trần Thế L, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó giữa hai gia đình Phùng Văn T và Nguyễn Văn Q có mâu thuẫn nên khoảng 19 giờ ngày 19-9-2018, Phùng Văn T không tìm thấy vợ là Nguyễn Thị V ở đâu, T nghi ngờ anh em nhà Nguyễn Văn Q đã bắt cóc vợ mình nên T cầm từ nhà 01 con dao rựa phát dài 54cm, cán gỗ dài 28cm, đường kính 3,5cm, lưỡi kim

loại dài 26cm mang theo và điều khiển xe máy đến nhà ông Q để tìm vợ. Khi đến nhà ông Q, T chửi bới và nói “*Vợ tao đâu, đưa vợ tao ra đây*”, ông Q nói “*Tôi không biết*” thì T dùng tay trái cầm tay phải ông Q lôi đi. Ông Q giằng lại không chịu đi, lúc này tay phải T cầm dao và lưỡi dao đang đề lên cẳng tay phải của ông Q, T giật tay làm lưỡi dao trúng vào cẳng tay phải gây thương tích cho ông Q. Hậu quả, ông Q bị thương ở cẳng tay phải điều trị tại bệnh viện 2 Lâm Đồng từ ngày 19-9-2018 đến ngày 24-9-2018 ra viện.

Tại kết luận giám định thương tích số 286/2018/TgT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: “Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương cẳng tay phải dài 5cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định Nguyễn Văn Q là 07%; tổn thương do vật sắc gây nên”;

Vật chứng thu giữ: 01 con dao dài 54cm, cán gỗ dài 28cm, đường kính 3.5cm, lưỡi kim loại hình cong dài 26cm.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bồi thường số tiền 46.500.000 đồng (trong đó tiền điều trị theo hóa đơn 1.618.500 đồng). Phùng Văn T đã bồi thường 5.000.000 đồng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Phùng Văn T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố, mẹ đẻ là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xử lý.

Tại bản cáo trạng số 17/CTr-VKS ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố bị cáo Phùng Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét xử bị cáo Phùng Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tang vật tiêu hủy;

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại để chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại là 12.600.000 đồng, gồm: tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 1.600.000 đồng, tiền xe đi và về 500.000 đồng/lượt là 1.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất 05 ngày x 200.000 đồng là 1.000.000 đồng, thu nhập thực tế của người chăm sóc bị mất là 05 ngày x 200.000 đồng là

1.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị giảm sút là 30 ngày x 100.000 đồng là 3.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 5.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét để xét xử bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phùng Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Khoảng 19 giờ ngày 19 tháng 9 năm 2018 Phùng Văn T cầm con dao rựa phát có kích thước dài 54cm, lưỡi kim loại có hình cong mũi quắm dài 26cm, cán gỗ dài 28cm chém vào cẳng tay phải của ông Q gây ra tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 7%.

[3] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ xét xử bị cáo Phùng Văn T đúng như tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Đối với tội danh “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, vì tính hung hăng nên đã cố ý gây thương tích cho ông Nguyễn Văn Q tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 7%. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang và bất bình lên án. Do vậy, việc xét xử đối với bị cáo phải thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng và lý lịch bị cáo thể hiện: Bị cáo không có tiền sự, tiền án.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phùng Văn T không có tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là con của người có công với cách mạng nên cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ vào nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình để giám sát, giáo dục.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 12.600.000 đồng. Trong đó: tiền chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 1.600.000 đồng, tiền xe đi và về 500.000 đồng/lượt là 1.000.000 đồng, tiền thu nhập thực tế bị mất 05 ngày x 200.000 đồng là 1.000.000 đồng, thu nhập thực tế của người chăm sóc bị mất là 05 ngày x 200.000 đồng là 1.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị giảm sút là 30 ngày x 100.000 đồng là 3.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về số tiền bồi thường nêu trên. Xét các thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, yêu cầu trên của bị hại là có căn cứ, phù hợp với Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và yêu cầu trên cũng được bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Phùng Văn T đã nộp (do Phùng Hải T nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0002032 ngày 30-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh để thi hành án.

Về hình phạt bị hại đề nghị xét xử bị cáo nghiêm theo quy định của pháp luật, không cho bị cáo hưởng án treo.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao rựa phát có kích thước dài 54cm, lưỡi kim loại có hình cong mũi quắm dài 26cm, cán gỗ dài 28cm(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-02-2019).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phùng Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, giao Phùng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Bắc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về bồi thường:

Áp dụng Điều 30 và Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Buộc bị cáo Phùng Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: H) số tiền 12.600.000 đồng (Bằng chữ: *Mười hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng bị cáo Phùng Văn T đã nộp (do Phùng Hải T nộp thay) theo biên lai số AA/2017/0002032 ngày 30-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh để thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao rựa phát có kích thước dài 54cm, lưỡi kim loại có hình cong mũi quắm dài 26cm, cán gỗ dài 28cm (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-02-2019).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao
hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1
Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những
nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

